TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên toà: Bà Võ Thuý Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Bé N, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Trương Thanh H, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2024, đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Bé N trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1998, bà và ông Trương Thanh H có tìm hiểu và tự nguyện chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng khoảng thời gian sau cuộc sống có nhiều bất đồng và mâu thuẫn kéo dài, không thể giải quyết được. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được, không thể hoà hợp, hai bên cũng đã ly thân được hơn một năm nên bà yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Trương Thanh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông H có hai người con chung tên Trương Huỳnh T (nữ), sinh ngày 17 tháng 6 năm 2000 và Trương Thanh Đ (nam), sinh ngày 18 tháng 10 năm 2006. Hiện người con chung tên Trương Huỳnh T đã đủ tuổi trưởng thành, có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Riêng Trương Thanh Đ hiện do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Trương Thanh Đ, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn ông Trương Thanh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông H vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Toà án.

- Quan điểm đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận bà Đặng Bé N và ông ông Trương Thanh H là vợ chồng. Giao con chung tên Trương Thanh Đ cho bà Đặng Bé N nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Bé N không yêu cầu ông Trương Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trương Thanh H đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông Trương Thanh H không cung cấp chứng cứ gì, ông Trương Thanh H vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1998 bà Đặng Bé N và ông Trương Thanh H chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng khoảng thời gian sau cuộc sống có nhiều bất đồng và mâu thuẫn kéo dài, không thể giải quyết được. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được, không thể hoà hợp, hai bên cũng đã ly thân được hơn một năm nên bà Đặng Bé N yêu cầu Tòa án ly hôn với ông Trương Thanh H. Ông Trương Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng và cũng không cung cấp tài liệu, lời khai và chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đối với yêu cầu của bà N, ông H không có ý kiến gì. Do hôn nhân giữa bà N và ông H đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà Đặng Bé N và ông Trương Thanh H không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình sống chung bà Đặng Bé N và ông Trương Thanh H có 02 người con chung tên Trương Huỳnh T (nữ), sinh ngày 17 tháng 6 năm 2000 và Trương Thanh Đ (nam), sinh ngày 18 tháng 10 năm 2006. Trương Huỳnh T đã đủ tuổi trưởng thành, có thể tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Riêng cháu Trương Thanh Đ bà N yêu cầu sau khi ly hôn, bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Trương Thanh Đ, quá trình giải quyết vụ án ông Trương Thanh H không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của bà N. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 19 tháng 5 năm 2024, Trương Thanh Đ có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Đặng Bé N nếu cha mẹ ly hôn. Mặt khác, để không làm xáo trộn đời sống của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của Đặng Bé N giao con chung tên Trương Thanh Đ cho bà Đặng Bé N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Đặng Bé N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Bé N và ông Trương Thanh H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Trương Thanh Đ (giới tính nam), sinh ngày 18/10/2006 cho bà Đặng Bé N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Bé N về việc không yêu cầu ông Trương Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Bé N phải chịu 300.000 đồng. Bà Đặng Bé N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003329 ngày 26/3/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

4. Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Bé N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Sơn Ngọc Trọng